

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-NHNN ngày/...../2025 của NHNN về đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước có liên quan đến dự thảo

STT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc: Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nghiêm chỉnh việc công khai hóa các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư... để đồng bào biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.	Dự thảo Nghị định quy định các chính sách tín dụng ưu đãi tập trung vào các nhu cầu thiết yếu (đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề), thông qua NHCSXH để hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân vùng DTTS&MN.	Phù hợp, thể chế hóa trực tiếp chủ trương của Đảng.	
2.	Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, lồng ghép, tích hợp các chính sách hiện hành để hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	Dự thảo Nghị định kế thừa, ổn định các chính sách tín dụng ưu đãi đã triển khai có hiệu quả, tạo khuôn khổ pháp lý để triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi cho vùng đồng bào DTTS&MN cho giai đoạn 2026–2035.	Phù hợp, thể chế hóa trực tiếp chủ trương của Đảng.	
3.	Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư: Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển, đặc	Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa Nghị định số 28/2022/NĐ-CP quy định mức lãi suất ưu đãi cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, đồng thời mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức cho vay so với giai đoạn trước.	Phù hợp, thể chế hóa trực tiếp chủ trương của Đảng.	

	điểm của từng vùng, miền, chu kỳ sản xuất, kinh doanh; chú trọng cung cấp tín dụng chính sách xã hội cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, học sinh, sinh viên nghèo và các trường hợp khẩn cấp khác... Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác.			
4.	Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giai đoạn 2026–2035: Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ NSNN cho NHCSXH để thực hiện Chương trình.	Dự thảo Nghị định quy định rõ nguồn vốn thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách trung ương bố trí cho NHCSXH và ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để triển khai các chính sách tín dụng.	Phù hợp với quy định của Nghị quyết Quốc hội.	
5.	Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ: Giao NHNN nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại NHCSXH để triển khai Chương trình MTQG.	Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan liên quan, NHCSXH trên cơ sở phân công nhiệm vụ tại Nghị quyết.	Phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Chính phủ	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2 dự thảo)	- Luật Các TCTD quy định: Ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. - Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/1/2026 quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH: Đối tượng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây được gọi là khách hàng vay vốn) là tổ chức, cá nhân được vay vốn theo quy định tại các chương trình, chính sách tín dụng do cấp có thẩm quyền ban hành. (Điều 27) - Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: Người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi gồm: 1. Hộ nghèo. 2. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề. 3. Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết 120/HĐBT ngày 11 tháng 04 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	

		4. Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. 5. Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (sau đây gọi là Chương trình 135). 6. Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.		
2.	Địa bàn thực hiện (Điều 3)	- Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội quy định Phạm vi: Chương trình thực hiện trên phạm vi cả nước; ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	
3.	Nguyên tắc cho vay (Điều 4) Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro (Điều 5) Bảo đảm tiền vay (Điều 6)	- Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/1/2026 quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH quy định nguyên tắc cho vay: 1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đúng đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong việc cho vay vốn. 2. Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội. - Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định nguyên tắc tín dụng: 1. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; 2. Người vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi. - Quy định về phân loại nợ, xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	
4.	Nguồn vốn cho vay (Điều 7)	- Quy định phù hợp với Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG: - Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước cấp): Khoảng 23.000 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Chính phủ ưu tiên cân đối ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	

		được giao. - Điều 14 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định: + Bố trí vốn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện tín dụng chính sách xã hội được cân đối trong tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương theo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình. + Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cơ chế, chính sách, quy mô bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.		
5.	Trách nhiệm của các cơ quan liên quan (Điều 32 đến Điều 34)	- Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương. - Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.	Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vùng DTTS&MN thông qua NHCSXH	- <i>Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc (SDGs)</i> – Việt Nam cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu số 1 (xóa đói giảm nghèo), số 12 (việc làm và tăng trưởng kinh tế). - <i>Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Chủng tộc (ICERD)</i>: Các Quốc gia thành viên, trong trường hợp cho phép, sẽ có những biện pháp đặc biệt và cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và những lĩnh vực khác để đảm bảo sự phát triển thích đáng và bảo vệ một số nhóm chủng tộc hoặc cá nhân thuộc các chủng tộc đó, với mục đích nhằm giúp họ được hưởng đầy đủ và bình đẳng các quyền con người và tự do cơ bản. Những biện pháp này trong mọi trường hợp không được dẫn tới việc duy trì sự bất bình đẳng hoặc các quyền riêng cho những nhóm chủng tộc khác nhau sau khi mục tiêu đề ra đó thực hiện. - <i>Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)</i>: Các quốc gia thành viên Công ước này thừa nhận quyền của mọi người được có một mức sống thích đáng cho bản thân và gia đình mình, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, nhà ở, và được không ngừng cải thiện điều kiện sống. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để bảo đảm việc thực hiện quyền này, và vì mục đích đó, thừa nhận tầm quan trọng thiết yếu của hợp tác quốc tế dựa trên sự tự do chấp thuận.	Dự thảo Nghị định quy định các chính sách phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc (SDGs), Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Chủng tộc (ICERD), Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR).	.